TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2023/HS-ST
Ngày 28-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Ngọc Túy – Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường Trung cấp nông nghiệp tỉnh Thái Bình.
2. Ông Vũ Văn Sâm – Giáo viên trường Trung học cơ sở Quỳnh Hồng.
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 120/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2023/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Vũ Trường G, sinh ngày 27/8/2006 tại xã Đ, huyện B, tỉnh Hà G

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Thanh T, sinh năm 1975 và bà Hứa Thị Huyền Tr, sinh năm 1977; Vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/8/2023 đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Phạm Hữu H, sinh ngày 27/9/2006 tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Hữu Q, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; Vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/8/2023 đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa)

3. Phạm Trường Gi, sinh ngày 17/9/2006 tại xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn T1, sinh năm 1982 và bà

Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; Vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 108/QĐ-XPVPHC ngày 12/9/2022 của Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi đánh nhau; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/8/2023 đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa)

4. Đỗ Việt A, sinh ngày 03/12/2006 tại xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn Tr, sinh năm 1981 và bà Phạm Thị H1, sinh năm 1986; Vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/9/2023 đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Vũ Trường G:

Ông Vũ Thanh T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phạm Hữu H:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phạm Trường Gi:

Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đỗ Việt A:

Ông Đỗ Văn Tr, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Người bào chữa cho các bị cáo:

Ông Vũ Ngọc Trịnh – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình.

- Bị hại: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn M, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số nhà ab, khu phố 3/2, thị trấn V, thành phố Hải Phòng

- Anh Bùi Gia H, sinh năm 2007

Địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Ông T, bà L, ông T1, ông Tr,ông Trịnh, ông D, anh H có mặt; bà Th vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Trường G, Phạm Hữu H, Phạm Trường Gi và Đỗ Việt A là bạn bè quen biết. Tối khuya ngày 25/7/2023 sau khi chơi ở nhà H, cả bốn rủ nhau đến nhà nghỉ Đèn Lồng Đỏ ở thôn V, xã A, huyện Q thuê 01 phòng để ngủ qua đêm. Tại đây Vũ Trường G rủ H, Việt A và Phạm Trường Gi đi lên Hà G chơi, tất cả đồng ý. Do

không có tiền trả nhà nghỉ, tiền ăn, tiền đi Hà G nên Vũ Trường G đã bàn với các bị cáo còn lại sáng hôm sau đi trộm xe điện bán lấy tiền thì cả ba cùng đồng ý. Việt A nói "*Để mai tao mượn xe rồi đi*", tất cả đều đồng ý rồi đi ngủ. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 26/7/2023, Nguyễn Yến N, sinh năm 2008, trú tại thôn T, xã A, huyện Q đến, vào phòng nghỉ chơi với Phạm Trường Gi. Sau đó, Việt A liên hệ với bạn là Bùi Gia H, sinh năm 2006, trú tại Thôn G, xã A, huyện Q mượn xe để Vũ Trường G về nhà ăn cơm rồi lên đi trộm cắp. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, Bùi Gia H điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave 50cc, màu sơn đen bạc, biển kiểm soát 17A-537.75 một mình đi đến nhà nghỉ Đèn Lồng Đỏ. Tại đây, Việt A nói với Gia H "*Mày ngồi đây chơi, cho các anh mượn cái xe tý các anh quay lại*", Gia H lưỡng lự thì H nói "*Mày biết thừa tính anh rồi, anh có bao giờ cầm xe chúng mày cắm làm gì đâu*". Vũ Trường G nói "*Cho anh mượn xe về đá bát cơm rồi tý anh lên*", Gia H đồng ý. Sau đó, Vũ Trường G cầm chìa khóa xe máy của Gia H, rủ Phạm Trường Gi và H đi về nhà Vũ Trường G ăn cơm. Việt A muốn đi cùng nhưng H nói "*Giờ xe chật rồi, bạn vào nhà nghỉ đợi, tý bọn tôi cầm cơm về cho, giờ một mình thằng lạ mặt ở lại thì chủ nhà nghỉ không đồng ý đâu, bạn đi vào ngồi cùng nó*". Việt A đồng ý và cùng Gia H đi vào trong phòng. Lúc này N vẫn ngồi chơi trong phòng. Vũ Trường G điều khiển xe mô tô chở H và Phạm Trường Gi đi về nhà Vũ Trường G nhưng khi đến nhà thì mẹ kế của Vũ Trường G là chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1988, trú tại thôn Đ, xã A, huyện Q, không cho tụ tập và bảo Vũ Trường G ở nhà. Thấy vậy, H nói với Vũ Trường G "*Thôi cô mày đã nói thế rồi thì mày ở nhà thôi, anh em giải tán*" nhưng Vũ Trường G không đồng ý và bảo đi lang thang quanh xã A xem có ai để tài sản sơ hở thì trộm cắp. H và Phạm Trường Gi đồng ý. Sau đó, Vũ Trường G điều khiển xe mô tô chở H ngồi sau, Phạm Trường Gi ngồi sau cùng, đi ra hướng đường nội đồng được một đoạn H phát hiện ở mé đường bê tông thôn có để 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu TAWA-133M, màu sơn đỏ - đen - xanh trị giá 3.900.000 đồng của bà Phạm Thị Th, sinh năm 1964, trú tại Thôn M, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. H nói: "*Kìa có cái xe kìa, dừng lại xem thế nào, nhảy thôi*". Vũ Trường G, Phạm Trường Gi đều hiểu ý H là trộm cắp chiếc xe máy điện này. Khi đi qua chiếc xe máy điện khoảng 10 mét thì Vũ Trường G, Phạm Trường Gi nói: "*Quay lại lấy đi*". Vũ Trường G điều khiển xe mô tô dừng lại cùng H, Phạm Trường Gi quan sát thấy không có người qua lại, xe không có chìa khóa nên cả ba thống nhất trộm cắp chiếc xe thì phải đẩy xe đi. Do sợ nếu trộm cắp bị phát hiện thì xe mô tô chở ba người sẽ không tẩu thoát kịp nên cả ba thống nhất chở Phạm Trường Gi đến quán nước ở xã An Mỹ ngồi đợi còn H và Vũ Trường G sẽ trực tiếp đi trộm cắp chiếc xe. Khi đi đến quán nước ở thôn T, xã A thì Phạm Trường Gi xuống xe, nói: "*Tý lấy trộm được thì quay lại đón tao*". Trên đường quay lại vị trí chiếc xe máy điện, G và H thống nhất H sẽ trực tiếp lấy xe còn G đứng cảnh giới, nếu bị phát hiện thì cả hai sẽ cùng nhau bỏ chạy. Khi đi đến gần chiếc xe, quan sát xung quanh không có người qua lại, G liền dừng xe để H xuống xe, còn G điều khiển xe máy đi lên cách chiếc xe máy điện khoảng 80m thì đứng đợi. Khoảng 05 phút sau, H dắt xe máy điện đi đến chỗ G. G điều khiển xe mô tô đi phía bên trái song song với xe máy điện H vừa trộm cắp được. H ngồi lên yên xe máy điện, hai tay cầm vào tay lái xe máy điện để G dùng chân phải đẩy vào giảm sóc bên trái của xe máy điện rồi đi theo đường làng của xã A

ra đường Quốc lộ 10. Trên đường đi, G và H thống nhất mang chiếc xe trộm cắp được sang thị trấn V, thành phố H để tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến thị trấn V, thành phố H cả hai thấy cửa hàng sửa xe máy của ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1966, có địa chỉ tại Số nhà ab, khu phố 3/2, thị trấn V, thành phố Hải Phòng thì cả hai cùng đi xe vào gặp ông D chào bán chiếc xe trộm cắp. Ông D hỏi nguồn gốc của chiếc xe máy điện thì cả hai nói xe của gia đình mua cho nhưng cũ không sử dụng nên mang bán. Ông D đồng ý mua chiếc xe với giá 1.100.000 đồng rồi viết giấy mua bán xe và đưa cho G số tiền 1.100.000 đồng gồm: 01 tờ tiền 500.000 đồng, 02 tờ 200.000 đồng, 02 tờ 100.000 đồng. G đếm đủ tiền rồi đưa lại số tiền trên cho H. Trên đường về, cả hai vào đổ xăng tại cây xăng - dầu Việt Hà ở tổ 2, thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ hết 50.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, do không thấy H và Vũ Trường G quay lại đón nên Phạm Trường Gi gọi Messenger cho Việt A hỏi H và Vũ Trường G đã về nhà nghỉ chưa, đồng thời nói với Việt A"*Chúng nó vứt tao ở quán nước ở xã An Mỹ để đi nhảy xe ở xã A nhưng giờ vẫn chưa thấy đón*". Việt A nói "*Tý chúng nó về tao bảo chúng nó xuống đón*" rồi tắt máy. Khoảng 05 phút sau, không thấy H và Vũ Trường G đến đón nên Phạm Trường Gi gọi bạn là Nguyễn Đức G, sinh năm 2006, trú tại thôn V, xã A, huyện Q đến đón về xã An Vũ chơi. Khi H và Vũ Trường G đổ xăng xong, cả hai đi về quán nước ở xã An Mỹ đón Phạm Trường Gi nhưng không gặp nên đi về nhà nghỉ Đèn Lồng Đỏ. H đưa số tiền 1.050.000 đồng vừa bán xe trộm cắp cho Việt A. Việt A hỏi: "*Tiền ở đâu*?", Vũ Trường G và H đã kể cho Việt A nghe việc trộm cắp và bán xe máy điện được số tiền này. Việt A cầm số tiền này trả tiền phòng nghỉ hết 290.000 đồng rồi cùng Vũ Trường G và H đi ra khu vực ngã tư Vũ Hạ, xã An Vũ đón Phạm Trường Gi còn Yến N đi bộ về. Trong lúc Vũ Trường G, Phạm Hữu H, Đỗ Việt A, Phạm Trường Gi ngồi uống nước, Phạm Trường Gi hỏi: "*Chúng mày lấy được xe chưa*?" thì Vũ Trường G và H đã kể cho Phạm Trường Gi nghe việc trộm cắp và bán chiếc xe máy điện. Số tiền còn lại, cả bốn đã chi tiêu chung hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 07/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, kết luận: " *Chiếc xe máy điện nhãn hiệu TAWA -133M, màu đỏ - đen - xanh, trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng)*"

Ngày 28/7/2023, sau khi nhận được đơn trình báo của bị hại là bà Phạm Thị Th, Công an xã A đã tiến hành một số hoạt động xác minh ban đầu. Tại cơ quan Công an, Vũ Trường G, H, Việt A và Phạm Trường Gi đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên; cơ quan Công an đã quản lý chiếc xe máy điện do ông Phạm Ngọc D tự nguyện giao nộp; anh Bùi Gia H đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô kiểu dáng Wave 50cc, màu sơn đen bạc, biển kiểm soát 17AA-537.75 cho cơ quan Công an.

Cáo trạng số 122/CT-VKSQP ngày 26/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố Vũ Trường G, Phạm Hữu H, Phạm Trường Gi, Đỗ Việt A về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo đều thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trong bản Cáo trạng. Những người tham gia tố tụng khác giữ nguyên lời khai như đã khai tại giai đoạn điều tra.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Vũ Trường G, Phạm Hữu H, Phạm Trường Gi, Đỗ Việt A phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101; khoản 1 khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt: Bị cáo Vũ Trường G mức án từ 04 tháng đến 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 08 tháng đến 01 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị cáo Phạm Hữu H mức án từ 04 tháng đến 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 08 tháng đến 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo Vũ Trường G, Phạm Hữu H cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 100; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt các bị cáo Phạm Trường Gi, Đỗ Việt A mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Quỳnh Phụ nhận được quyết định thi hành án. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Đề nghị không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Trường Gi, Đỗ Việt A.

+ Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, không đặt ra giải quyết đối với phần trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng. Ngoài ra còn đề nghị giải quyết về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo không tranh luận với nhau và với Kiểm sát viên về hành vi phạm tội và các tình tiết của vụ án.

- Người bào chữa cho các bị cáo thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về tội danh, loại hình phạt đề xuất áp dụng đối với các bị cáo. Tuy nhiên người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về độ tuổi, nhân thân, hoàn cảnh gia đình và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm

sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, xét thấy: lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án (Phạm Trường Gi bút lục số 145-166, Phạm Hữu H bút lục số 167-192, Đỗ Việt A bút lục số 193-214, Vũ Trường G bút lục số 215-236; phù hợp với đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại bà Phạm Thị Th (bút lục số 01, 237 - 241; 245-246); Biên bản ghi lời khai của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Ngọc D và anh Bùi Gia H (bút lục số 247-254)...

Ngoài ra hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau:

- Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật do Công an xã Alập hồi 16 giờ ngày 28/7/2023 tại cửa hàng sửa chữa xe máy của ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1966, trú tại Số nhà ab, khu phố 3/2, thị trấn V, thành phố Hải Phòng (bút lục số 12); Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật do Công an xã Alập hồi 10 giờ 30 phút ngày 28/7/2023 tại Công an xã An Thanh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (bút lục số 14).

- Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 14 giờ ngày 04/8/2023 tại Thôn M, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (bút lục số 07 - 09).

- Bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 07/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (bút lục 25) cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Để có tiền trả tiền thuê phòng nghỉ và chi tiêu cá nhân, khoảng 14 giờ 30 phút ngày 26/7/2023, tại cánh Đồng Rí thuộc Thôn M, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, các bị cáo Vũ Trường G, Phạm Hữu H, Phạm Trường Gi và Đỗ Việt A đã có hành vi trộm cắp chiếc xe máy điện nhãn hiệu TAWA-133M, màu đỏ - đen - xanh, trị giá 3.900.000 đồng (*Ba triệu chín trăm nghìn đồng*) của bà Phạm Thị Th, sinh năm 1964, trú tại thôn M, xã A, huyện Q mang bán được 1.100.000 cùng chi tiêu hết.

Hành vi của các bị cáo Vũ Trường G, Phạm Hữu H, Phạm Trường Gi và Đỗ Việt A đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự: Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là kỷ vật, di vật.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;

đ) Hành hung để tẩu thoát;

e) Tài sản là bảo vật quốc gia;

g) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

b) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi các bị cáo Vũ Trường G, Phạm Hữu H, Đỗ Việt A, Phạm Trường Gi lợi dụng sơ hở, chiếm đoạt tài sản của bà Phạm Thị Th như đã nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó cần thiết phải lên cho các bị cáo mức án nhất định, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó xác định Vũ Trường G là người khởi xướng việc phạm tội, cùng với Phạm Hữu H thực hiện tội phạm tích cực nên Vũ Trường G và Phạm Hữu H giữ vai trò chính trong vụ án. Đỗ Việt A, Phạm Trường Gi mặc dù không trực tiếp thực hiện tội phạm nhưng trước đó đã cùng thống nhất việc trộm cắp tài sản, Việt A còn giúp chuẩn bị phương tiện để đi trộm cắp, đồng thời cùng hưởng lợi bất chính với Vũ Trường G và Phạm Hữu H nên cả hai bị cáo được xác định là đồng phạm với vai trò người giúp sức.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nhân thân: Các bị cáo hầu hết đều có nhân thân tốt, chưa từng bị kết án trước đó, bị cáo Phạm Trường Gi có 01 lần vào ngày 12/9/2022 bị xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi đánh nhau nhưng đã đảm bảo thời gian để được coi là chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*", *"Phạm tội gây thiệt hại không lớn"* , *"Người phạm tội thành khẩn khai báo"* quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính và biện pháp chấp hành hình phạt: Từ những phân tích và nhận định nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật, nhất là chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo Vũ Trường G, Phạm Hữu H, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Phạm Trường Gi, Đỗ Việt A như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đảm bảo mục đích hình phạt và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Phạm Trường Gi, Đỗ Việt A dưới 18 tuổi nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Chiếc xe máy điện nhãn hiệu TAWA -133M, màu đỏ - đen - xanh là tài sản của bà Phạm Thị Th. Ngày 08/8/2023, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả bà Th chiếc xe trên. Bà Th đã nhận lại tài sản, không yêu cầu đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự. Tại phiên tòa bà Th vắng mặt nên không đặt ra giải quyết.

Đối với ông Phạm Ngọc D, người đã mua chiếc xe máy điện do Vũ Trường G và Phạm Hữu H mang đến bán. Kết quả điều tra xác định G, H và ông D không có sự hứa hẹn trong việc tiêu thụ tài sản; khi mua chiếc xe máy điện, ông D không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không đủ căn cứ để xử lý hành vi trên của ông D. Đối với số tiền 1.100.000 đồng do bán chiếc xe đạp điện, các bị cáo đã cùng chi tiêu hết. Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường ông D số tiền trên. Ông D đã nhận đủ tiền và không yêu cầu đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave 50cc, màu sơn đen bạc, biển kiểm soát 17AA-537.75 là tài sản hợp pháp của anh Bùi Gia H. Anh không biết các bị cáo sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Bùi Gia H và ra quyết định trả lại chiếc xe cho anh H là đúng quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Trường G, Phạm Hữu H, Đỗ Việt A, Phạm Trường Gi phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101; khoản 1 khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Vũ Trường G 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Hữu H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 100; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt các bị cáo Đỗ Việt A, Phạm Trường Gi mỗi bị cáo 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Quỳnh Phụ nhận được Quyết định thi hành án. Giao các bị cáo Đỗ Việt A, Phạm Trường Gi cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đỗ Việt A, Phạm Trường Gi.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo Vũ Trường G, Phạm Hữu H, Đỗ Việt A, Phạm Trường Gi phải nộp 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/11/2023); bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *CQĐT, CQTHAHS (Công an h. Quỳnh Phụ);*
- *UBND xã Đ, huyện Q;*
- *UBND xã A, huyện Q;*
- *UBND xã A, huyện Q;*
- *Các bị cáo; Người đại diện hợp pháp của các bị cáo; Người bào chữa;*
- *Bị hại;*
- *Người có QLNVLQ;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phượng